

Số: 79/KH-UBND

Tuyên Quang, ngày 23 tháng 4 năm 2024

**KẾ HOẠCH**  
**Đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng năm 2023**

Căn cứ Quyết định số 157/QĐ-TTCP ngày 29/3/2024 của Thanh tra Chính phủ ban hành "*Bộ chỉ số đánh giá và tài liệu hướng dẫn đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng cấp tỉnh năm 2023*" (sau đây viết tắt là Bộ chỉ số); Kế hoạch số 198/KH-TTCP ngày 06/2/2024 của Thanh tra Chính phủ về đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2023,

Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Kế hoạch đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng năm 2023, như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

- Đánh giá việc triển khai thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng của tỉnh Tuyên Quang năm 2023 theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và các văn bản hướng dẫn thực hiện, đảm bảo việc đánh giá khách quan, toàn diện, đúng tiến độ kế hoạch đề ra.

- Việc đánh giá căn cứ vào Bộ chỉ số và tài liệu hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ; mỗi nội dung tiêu chí đánh giá phải có số liệu, thống kê danh mục tài liệu chứng minh cụ thể. Quá trình thực hiện phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc báo cáo, cung cấp tài liệu, thông tin phục vụ đánh giá.

**II. NỘI DUNG THỰC HIỆN**

**1. Nội dung đánh giá**

Thực hiện theo "*Bộ chỉ số đánh giá và tài liệu hướng dẫn đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng cấp tỉnh năm 2023*" ban hành theo Quyết định số 157/QĐ-TTCP ngày 29/3/2024 của Thanh tra Chính phủ.

**2. Phương pháp tổ chức đánh giá**

2.1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thu thập tài liệu, tổng hợp số liệu làm bằng chứng, lập hồ sơ đánh giá; tự đánh giá, chấm điểm theo tiêu chí đánh giá của Bộ chỉ số trên cơ sở kết quả thực hiện công tác PCTN của UBND tỉnh, các

sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, doanh nghiệp, tổ chức tổ chức khu vực ngoài nhà nước; tổng hợp báo cáo kết quả đánh giá và gửi hồ sơ đánh giá về Thanh tra Chính phủ **trước ngày 31/5/2024**.

2.2. Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện căn cứ chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý và tài liệu, biểu mẫu hướng dẫn (gửi kèm theo Kế hoạch này) có trách nhiệm:

- Thu thập tài liệu, tổng hợp số liệu làm bằng chứng đánh giá.
- Xây dựng báo cáo đánh giá công tác PCTN năm 2023 của cơ quan, đơn vị theo Đề cương hướng dẫn và Thuyết minh chi tiết kết quả đánh giá công tác PCTN năm 2023 theo Phụ lục 1 (kèm theo).

Các cơ quan, đơn vị gửi báo cáo đánh giá công tác PCTN năm 2023 và gửi tài liệu minh chứng về Thanh tra tỉnh để tổng hợp chung phục vụ đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh.

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Thanh tra tỉnh**

1.1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu thành lập Tổ công tác đánh giá công tác PCTN tỉnh năm 2023.

1.2. Phối hợp với Tổ công tác đôn đốc, hướng dẫn, thẩm tra, rà soát báo cáo của các cơ quan, đơn vị; nghiên cứu hồ sơ, tài liệu, tiến hành đánh giá, chấm điểm công tác PCTN, xây dựng dự thảo Báo cáo đánh giá công tác PCTN năm 2023 của UBND tỉnh.

1.3. Làm cơ quan đầu mối, chủ trì, phối hợp với Tổ công tác đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh giải trình, cung cấp tài liệu để làm rõ theo yêu cầu của Tổ công tác Thanh tra Chính phủ trong quá trình rà soát, đánh giá việc tự đánh giá công tác PCTN năm 2023 của địa phương.

#### **2. Tổ công tác**

2.1. Thu thập tài liệu, tổng hợp số liệu làm bằng chứng, lập hồ sơ tự đánh giá công tác PCTN của tỉnh. Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện việc đánh giá công tác PCTN năm 2023 theo Bộ chỉ số và tài liệu hướng dẫn đánh giá của Thanh tra Chính Phủ.

2.2. Tổng hợp đánh giá, đề xuất tự chấm điểm theo Bộ chỉ số và tài liệu hướng dẫn đánh giá của Thanh tra Chính phủ; xây dựng dự thảo báo cáo đánh giá công tác PCTN năm 2023 gửi UBND tỉnh trước ngày **25/5/2024**.

#### **3. Các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện**

Căn cứ Kế hoạch này và các tài liệu, biểu mẫu hướng dẫn đánh giá công tác PCTN năm 2023 (gửi kèm theo Kế hoạch) tổ chức thực hiện như sau:

3.1. Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện giao cơ quan Thanh tra chủ trì phối hợp với các phòng, ban chuyên môn liên quan thu thập tài liệu, tổng hợp số liệu, xây dựng báo cáo kết quả công tác PCTN năm 2023 của cơ quan, đơn vị mình; đồng thời làm đầu mối phối hợp, liên lạc, trao đổi với Tổ Công tác của tỉnh.

3.2. Ngoài việc báo cáo kết quả công tác PCTN năm 2023, trong phạm vi quản lý của đơn vị mình, các cơ quan chuyên môn có chức năng tham mưu giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước ở các ngành, lĩnh vực và các cơ quan có liên quan có trách nhiệm tổng hợp báo cáo các nội dung và cung cấp tài liệu minh chứng để lập hồ sơ đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh, cụ thể như sau:

a) Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp, báo cáo đánh giá kết quả xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN trên địa tỉnh.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp, đánh giá khái quát chung những đặc điểm nổi bật về chính trị, kinh tế - xã hội của tỉnh trong năm 2023.

c) Thanh tra tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp, báo cáo đánh giá kết quả thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản thu nhập; công tác thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước; việc phát hiện, xử lý tham nhũng qua thanh tra, kiểm tra, giám sát và giải quyết phản ánh, tố cáo; việc thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc.

d) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp, báo cáo đánh giá kết quả thực hiện công khai, minh bạch việc bố trí, quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công; việc xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn; công tác thanh tra, kiểm tra thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn trên địa bàn tỉnh.

đ) Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp, báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính của tỉnh năm 2023; việc thực hiện công khai minh bạch về công tác cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh; việc xây dựng và thực hiện kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức viên chức của các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh.

e) Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp đánh giá, cung cấp tài liệu minh chứng kết quả thực hiện các nội dung sau:

- Kết quả tiếp công dân của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Việc chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân về tham nhũng; kiến nghị, đề nghị bảo vệ người tố cáo tham nhũng.

- Tổng hợp số liệu, tài liệu minh chứng theo Biểu 2 a Phụ lục 2 kèm theo.

g) Ngân hàng nhà nước Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang tổng hợp đánh giá kết quả thực hiện Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025; tổng hợp số liệu, tài liệu minh chứng theo Biểu 2b Phụ lục 2 kèm theo.

### 3.3. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị và chế độ báo cáo

a) Người đứng đầu sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện khẩn trương, nghiêm túc, đúng mục đích, yêu cầu, nội dung và thời gian đã đề ra trong Kế hoạch này và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nếu cơ quan, đơn vị mình gửi báo cáo chậm và số liệu, tài liệu minh chứng không đầy đủ theo yêu cầu; có nội dung tiêu chí không thực hiện hoặc việc tổ chức thực hiện hiệu quả thấp làm ảnh hưởng đến đánh giá, tự chấm điểm công tác PCTN của tỉnh.

#### b) Hình thức và thời hạn gửi báo cáo

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị báo cáo bằng văn bản gửi Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Thanh tra tỉnh), đồng thời gửi dữ liệu điện tử qua địa chỉ E-mail: [phongchongthamnhungttq@gmail.com](mailto:phongchongthamnhungttq@gmail.com). Thời hạn gửi báo cáo trước ngày **07/5/2023**.

## 4. Các cơ quan tiến hành tố tụng và thi hành án dân sự

4.1. Công an tỉnh cung cấp thông tin, số liệu, đánh giá kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua hoạt động điều tra của các cơ quan điều tra cấp huyện, cấp tỉnh.

4.2. Cục Thi hành án dân sự tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan cung cấp thông tin, số liệu, đánh giá về việc xử lý thu hồi tài sản tham nhũng bằng biện pháp tư pháp.

4.3. Đề nghị Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh cung cấp thông tin, số liệu, đánh giá kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua hoạt động truy tố, xét xử của Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh.

4.4. Thông tin, số liệu, đánh giá về kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án gửi về Thanh tra tỉnh tổng hợp chung, thời gian hoàn thành **chậm nhất ngày 07/5/2024** (Có Biểu số 2c, 2d, 2đ Phụ lục 2 kèm theo).

**5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp, cung cấp thông tin về kết quả thực hiện công tác giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật trên địa bàn tỉnh trong năm 2023 gửi Thanh tra tỉnh tổng hợp chung **chậm nhất trong ngày 07/5/2024** (Có Biểu số 2e Phụ lục 2 kèm theo)./.**

**Nơi nhận:**

- Thanh tra Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Công an tỉnh;
- VKSND tỉnh, TAND tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Chánh VP, Phó CVP UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: Đ/c Phước, Hiếu(HCTC);
- Lưu: VT, NC(Thu Hà).

Báo cáo

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Sơn**



*2.3. Kết quả việc thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn (theo quy định tại Điều 18, Điều 19 Luật PCTN năm 2018)*

- Việc rà soát, xây dựng, ban hành và thực hiện chế độ, định mức, tiêu chuẩn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Việc ban hành kế hoạch tự kiểm tra việc thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn trong cơ quan, đơn vị; việc tổ chức thực hiện kế hoạch tự kiểm tra và báo cáo kết quả thực hiện.

(Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Kế hoạch số 138/KH-UBND ngày 20/6/2023 thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp nâng cao hiệu quả công tác PCTN, tiêu cực trên địa bàn tỉnh: *Các sở, ban, ngành, tổ chức, đơn vị thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện chủ động xây dựng, thực hiện tự kiểm tra việc thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn trong nội bộ ít nhất 01 cuộc/năm; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm*).

*2.4. Kết quả kiểm soát xung đột lợi ích (XDLI)*

Việc ban hành kế hoạch hoặc văn bản lồng ghép nội dung rà soát, kiểm soát xung đột lợi ích để chỉ đạo, triển khai thực hiện tại đơn vị, địa phương; việc tổ chức thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện.

*2.5. Kết quả việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức*

Việc ban hành kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức năm 2023; kết quả thực hiện so với kế hoạch; báo cáo kết quả thực hiện.

*2.6. Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử*

*2.7. Kết quả kiểm soát tài sản, thu nhập (TSTN)*

Việc ban hành kế hoạch kê khai, công khai bản kê khai tài sản thu nhập hằng năm (Theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Kế hoạch 138/KH-UBND ngày 20/6/2023 thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp nâng cao hiệu quả công tác PCTN, tiêu cực trên địa bàn tỉnh).

*2.8. Kết quả thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc.*

\* Lưu ý: Các đơn vị báo cáo việc xây dựng kế hoạch tự kiểm tra nội bộ trong việc thực hiện pháp luật về PCTN (tiến hành ít nhất 01 cuộc kiểm tra/năm thực hiện theo Chương trình 03/CTr-UBND ngày 25/2/2022 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TU ngày 01/10/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác PCTN, tiêu cực trên địa bàn tỉnh).

- Nêu rõ việc ban hành kế hoạch tự kiểm tra trong năm 2023; tổ chức thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện.

### **3. Đánh giá việc phát hiện và xử lý tham nhũng:**

#### *3.1. Đánh giá việc phát hiện hành vi tham nhũng:*

- Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua kiểm tra, thanh tra, giám sát.
- Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua phản ánh, tố cáo.
- Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua điều tra, truy tố, xét xử.

#### *3.2. Đánh giá việc xử lý tham nhũng:*

- Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức, cá nhân.
- Kết quả xử lý hình sự người có hành vi tham nhũng.
- Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào mức độ của vụ việc tham nhũng.

#### *3.3. Đánh giá kết quả xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN:*

- Kết quả xử lý vi phạm trong thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức đơn vị.
- Kết quả xử lý vi phạm quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn.
- Kết quả xử lý vi phạm quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.
- Kết quả xử lý vi phạm quy định về xung đột lợi ích.
- Kết quả xử lý vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác.
- Kết quả xử lý vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng.
- Kết quả xử lý hành vi vi phạm đối với người kê khai TSTN và xử lý hành vi vi phạm khác trong kiểm soát TSTN.

### **4. Đánh giá việc thu hồi tài sản tham nhũng:**

*4.1. Đánh giá kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, giải quyết đơn tố cáo, phản ánh:*

- Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra
- Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác giải quyết đơn tố cáo, phản ánh.

*4.2. Đánh giá kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án:*

- Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử.
- Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác thi hành án.



### **III. NHẬN XÉT, KIẾN NGHỊ VỀ CÔNG TÁC PCTN CỦA ĐỊA PHƯƠNG, ĐƠN VỊ**

Đánh giá chung tiến triển của công tác PCTN 2023 về kết quả, hiệu lực, hiệu quả của việc thực hiện các biện pháp PCTN so với năm 2022; những khó khăn, vướng mắc chủ yếu trong việc thực hiện công tác PCTN ở cơ quan, đơn vị.

Đề xuất giải pháp để tiếp tục tăng cường thực hiện, nâng cao hiệu quả các giải pháp PCTN nhằm thực sự ngăn chặn, đẩy lùi được tệ nạn tham nhũng trong thời gian tới ở địa phương./.

---

Tên của sở/ban/ngành/huyện.....

**Phụ lục 1**  
**DANH MỤC TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG CỦA SỞ, BAN, NGÀNH, HUYỆN**  
**PHỤC VỤ ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PCTN NĂM 2023**

<b>A. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PCTN</b>	<b>TÀI LIỆU MINH CHỨNG VIỆC THỰC HIỆN</b> <i>(Ghi rõ tên, ngày tháng ban hành văn bản theo các mục tương ứng bên cột trái)</i>	<b>SỐ LIỆU MINH CHỨNG KẾT QUẢ THỰC HIỆN</b>
<b>A.2. Đánh giá việc tổ chức thực hiện:</b>		
A.2.1. Thực hiện kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN		
<i>A.2.1.1. Ban hành kế hoạch</i>	<i>(Kế hoạch...)</i>	
<i>A.2.1.2. Kết quả thực hiện</i>	<i>(VB báo cáo kết quả thực hiện)</i>	<i>Ghi tên các văn bản QPPL thuộc lĩnh vực quản lý được kiểm tra, rà soát theo kế hoạch của năm 2023</i>
A.2.2. Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN.		
<i>A.2.2.1. Ban hành kế hoạch</i>	<i>(Kế hoạch...)</i>	
<i>A.2.2.2. Kết quả thực hiện</i>	<i>(VB báo cáo kết quả thực hiện)</i>	<i>Ghi số lớp tập huấn, số buổi tuyên truyền, số người được tham gia</i>
A.2.3. Thực hiện kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	<i>(VB báo cáo kết quả thực hiện)</i>	<i>Số liệu minh chứng kết quả thực hiện</i>
A.2.5. Tiếp công dân theo Luật Tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp huyện/Người đứng đầu Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	<i>Liệt kê các thông báo, biên bản tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp huyện, của người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc UBND</i>	<i>- Ghi số ngày tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp huyện theo quy định tại khoản 5 Điều 13 Luật tiếp công dân</i>

<p>Theo quy định tại Khoản 5, Điều 13 Luật Tiếp công dân: “5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trực tiếp tiếp công dân tại Trụ sở tiếp công dân cấp huyện ít nhất 02 ngày trong 01 tháng và thực hiện việc tiếp công dân đột xuất trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 18 của Luật này”.</p> <p>Theo quy định tại Khoản 2, Điều 18 Luật Tiếp công dân, Người đứng đầu Cơ quan: “2. Trực tiếp thực hiện việc tiếp công dân ít nhất 01 ngày trong 01 tháng tại địa điểm tiếp công dân của cơ quan mình”.</p>	<p><i>cấp tỉnh.</i></p>	<p><i>trong năm 2023.</i></p> <p><i>Số ngày tiếp công dân của người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật tiếp công dân trong năm 2023.</i></p> <p><i>-Ghi số lượt công dân được tiếp.</i></p>
<p><b>B. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG</b></p>		
<p><b>B.1. Công tác phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước</b></p>		
<p>B.1.1. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch theo quy định tại Điều 10 của Luật PCTN 2018</p>	<p><i>Ghi tên văn bản công khai theo từng nội dung tương ứng bên cột trái</i></p>	<p><i>Ghi hình thức công khai, trường hợp thực hiện công khai trên trang thông tin điện tử của đơn vị đề nghị ghi rõ địa chỉ đường link công khai</i></p>
<p><i>a) Công khai việc thực hiện chính sách, pháp luật có nội dung liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của cán bộ, công chức, viên chức; người lao động; cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang và công dân;</i></p>	<p>Ví dụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 06/QĐ-TTr ngày 10/4/2023 của Thanh tra tỉnh về nâng lương trước thời hạn cho công chức</li> <li>- Quyết định số 09/QĐ-TTr ngày 15/12/2023 của Thanh tra tỉnh về việc khen thưởng cho các cá nhân được tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp thanh tra”</li> <li>- Thông báo số 20/TB-TTr ngày 24/11/2023 của Thanh tra tỉnh thông báo kế hoạch tiếp nhận làm công chức 6 tháng cuối năm 2023.</li> <li>- Công khai thông tin về việc tiếp công dân của Thanh tra tỉnh</li> </ul>	<p>Công khai tại cuộc họp và phát hành văn bản trên hệ thống phần mềm quản lý văn bản gửi đến toàn bộ công chức cơ quan.</p> <p><a href="http://thanhtra.tuyenquang.gov.vn/Vanban/20231129112317_19648.pdf">http://thanhtra.tuyenquang.gov.vn/Vanban/20231129112317_19648.pdf</a></p> <p><a href="http://thanhtra.tuyenquang.gov.vn/DetailView/19603/35/THONG-TIN-VE-VIEC-TIEP-CONG-DAN-CUA-THANH-TRA-TINH.html">http://thanhtra.tuyenquang.gov.vn/DetailView/19603/35/THONG-TIN-VE-VIEC-TIEP-CONG-DAN-CUA-THANH-TRA-TINH.html</a></p>
<p><i>b) Việc bố trí, quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công hoặc kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp</i></p>	<p>Ví dụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 02/QĐ-TTr ngày 09/01/2023 của</li> </ul>	<p>Phát hành trên hệ thống phần mềm quản lý văn bản gửi đến toàn bộ công chức cơ quan.</p>

<i>khác;</i>	Thanh tra tỉnh về Công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2023. - Công văn số 19/TTr-VP ngày 11/01/2023 của Thanh tra tỉnh về đăng ký nhu cầu mau sắm tập trung năm 2023	
<i>c) Công tác tổ chức cán bộ của cơ quan, tổ chức, đơn vị; quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn;</i>	Ví dụ: -Quyết định số 23/QĐ-TTr ngày 15/12/2023 của Thanh tra tỉnh phê duyệt rà soát, bổ sung Quy hoạch chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Thanh tra tỉnh giai đoạn 2021-2026; giai đoạn 2026-2031.	Công khai tại cuộc họp và phát hành trên hệ thống phần mềm quản lý văn bản gửi đến toàn bộ công chức cơ quan.
<i>d) Việc thực hiện chính sách, pháp luật có nội dung không thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản này mà theo quy định của pháp luật phải công khai, minh bạch.</i>	<i>Các nội dung phải công khai theo lĩnh vực quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị (như: Lĩnh vực thanh tra, giáo dục đào tạo, tài nguyên môi trường, Y tế....)</i> Ví dụ: - Quy hoạch sử dụng đất... -Kết luận thanh tra số /.... ngày tháng năm.....về....	
<i>e) Công khai, minh bạch về thủ tục hành chính (Đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân)</i>	<i>Ví dụ:</i> - Công khi 09 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực giải quyết của Thanh tra tỉnh	<a href="https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn/dichvucong/bohutuc?AllThuTuc=0&amp;maThuTuc=&amp;numCQ=1&amp;diuKienMoRong=&amp;maCoQuan=TT&amp;maLinhVuc=&amp;ma">https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn/dichvucong/bohutuc?AllThuTuc=0&amp;maThuTuc=&amp;numCQ=1&amp;diuKienMoRong=&amp;maCoQuan=TT&amp;maLinhVuc=&amp;ma</a>
<b>B.1.5. Kết quả thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn (ĐM, CĐ, TC)</b>		
<i>B.1.5.1. Việc ban hành văn bản triển khai thực hiện kiểm tra</i>	<i>Văn bản triển khai thực hiện kiểm tra (tên văn bản, số, ký hiệu văn bản; ngày, tháng năm ban hành),</i>	<i>Số cuộc kiểm tra; đối tượng kiểm tra theo kế hoạch</i>
<i>B.1.5.2. Kết quả thực hiện</i>	<i>Văn bản báo cáo kết quả kiểm tra</i>	<i>Số cuộc kiểm tra thực hiện; số đơn vị được kiểm tra; vi phạm phát hiện qua kiểm tra</i>

B.1.6. Kết quả thực hiện kiểm soát xung đột lợi ích (XDLI)		
B.1.6.1. Việc ban hành văn bản triển khai thực hiện	Văn bản triển khai thực hiện tổ chức rà soát XDLI	
B.1.6.2. Kết quả thực hiện	Văn bản báo cáo kết quả thực hiện	Liệt kê các vụ việc XDLI được phát hiện (nếu có)
B.1.6.3. Kết quả giải quyết XDLI	- Giải quyết vụ 1: .... - Giải quyết vụ 2: .....	Liệt kê các vụ việc XDLI được xử lý (nếu có)
B.1.7. Kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của CB, CC, VC		
B.1.7.1. Việc ban hành kế hoạch	Kế hoạch số...../ .....ngày, tháng, năm	Số người phải chuyển đổi VTCT
B.1.7.2. Kết quả thực hiện	Văn bản báo cáo kết quả thực hiện	Số đã chuyển đổi VTCT
B.1.8. Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử	Văn bản báo cáo kết quả thực hiện	Liệt kê các trường hợp vi phạm được phát hiện (nếu có)
B.1.9. Kết quả thực hiện kiểm soát tài sản, thu nhập (TSTN)		
B.1.9.1. Ban hành kế hoạch kê khai, công khai bản kê khai TSTN.	Kế hoạch số...../ .....ngày, tháng, năm	
B.1.9.2. Kết quả kê khai, công khai bản kê khai TSTN	Văn bản báo cáo kết quả thực hiện	
B.1.10. Kết quả thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc (Chỉ thị số 10)		
B.1.10.1. Kế hoạch năm 2023 triển khai thực hiện Chỉ thị số 10	Kế hoạch số...../ .....ngày, tháng, năm	
B.1.10.2. Việc tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh về tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân,	- Văn bản báo cáo kết quả tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh:	(- Liệt kê các vụ việc người dân, doanh nghiệp kiến nghị phản ánh tình trạng nhũng

<i>doanh nghiệp trong giải quyết công việc</i>	+ Số vụ việc kiến nghị, phản ánh đã tiếp nhận: + Số vụ việc kiến nghị, phản ánh đã được xử lý:	<i>nhiều, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc:..... - Liệt kê các vụ việc đã được xử lý:.....)</i>
<i>B.1.10.3. Kết quả xử lý vi phạm Chỉ thị số 10</i>	- Văn bản báo cáo kết quả thực hiện Chỉ thị số 10 + Số người vi phạm: + Số người đã xử lý vi phạm Chỉ thị số 10:	- Liệt kê các cá nhân đã xử lý vi phạm Chỉ thị số 10 :..... - Liệt kê tổng số các cá nhân vi phạm Chỉ thị số 10:.....
<b>C. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC PHÁT HIỆN VÀ XỬ LÝ THAM NHŨNG</b>		
<b>C.1. Việc phát hiện hành vi tham nhũng</b>		
C.1.1. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua kiểm tra, giám sát, thanh tra	- Báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra năm 2023: - Báo cáo kết quả giám sát năm 2023. - Số cuộc kiểm tra thực hiện: - Số cuộc kiểm tra phát hiện hành vi tham nhũng: - Số cuộc giám sát thực hiện: - Số cuộc giám sát phát hiện hành vi tham nhũng: - Số cuộc thanh tra thực hiện: - Số cuộc thanh tra phát hiện hành vi tham nhũng:	- Liệt kê cụ thể cuộc kiểm tra phát hiện hành vi tham nhũng:.... - Liệt kê cụ thể cuộc giám sát phát hiện hành vi tham nhũng:.... - Liệt kê cụ thể cuộc thanh tra phát hiện hành vi tham nhũng:.....
C.1.2. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua phản ánh, tố cáo	- Báo cáo kết quả công tác xử lý tin phản ánh, giải quyết đơn tố cáo năm 2023. - Số tin phản ánh tiếp nhận: - Số vụ việc giải quyết tin phản ánh phát hiện hành vi tham nhũng: - Số đơn tố cáo tiếp nhận: - Số vụ việc giải quyết đơn tố cáo phát hiện	- Liệt kê cụ thể các vụ việc giải quyết tin phản ánh phát hiện hành vi tham nhũng:.... - Liệt kê cụ thể các cuộc giải quyết tố cáo phát hiện hành vi tham nhũng:....

	hành vi tham nhũng:	
C.1.3. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua điều tra, truy tố, xét xử		
<b>C.2. Việc xử lý tham nhũng</b>		
C.2.1. Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức, cá nhân do để xảy ra TN		
<i>C.2.1.1. Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức do để xảy ra tham nhũng.</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số tổ chức để xảy ra tham nhũng:</li> <li>- Số tổ chức đã xử lý kỷ luật do để xảy ra tham nhũng:</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Liệt kê danh sách các tổ chức đã xử lý kỷ luật do để xảy ra tham nhũng.</li> <li>- Liệt kê danh sách tổ chức để xảy ra tham nhũng.</li> </ul>
<i>C.2.1.2. Kết quả xử lý kỷ luật hành chính đối với cá nhân có hành vi tham nhũng</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số người có hành vi tham nhũng đã phát hiện:</li> <li>- Số người có hành vi tham nhũng đã xử lý kỷ luật hành chính:</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Liệt kê danh sách người có hành vi tham nhũng bị xử lý kỷ luật hành chính.</li> <li>- Liệt kê tổng số người có hành vi tham nhũng đã phát hiện.</li> </ul>
C.2.2. Kết quả xử lý hình sự người có hành vi tham nhũng		
<i>C.2.2.1. Kết quả xử lý qua điều tra</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số người bị cơ quan điều tra khởi tố trong các vụ án liên quan tham nhũng:</li> <li>- Số người cơ quan điều tra đề nghị truy tố về hành vi tham nhũng:</li> </ul>	
<i>C.2.2.2. Kết quả xử lý qua truy tố</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số người do Viện kiểm sát truy tố về hành vi tham nhũng:</li> </ul>	
<i>C.2.2.3. Kết quả xử lý qua xét xử</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số người do Tòa án kết án tội phạm tham nhũng:</li> </ul>	
C.2.3. Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào mức độ của vụ việc tham nhũng.		
<i>C.2.3.1. Hình thức khiển trách</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số vụ việc vụ việc tham nhũng ít nghiêm trọng xảy ra trên địa bàn, thuộc phạm vi quản</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Liệt kê danh sách người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ</li> </ul>

<p><i>Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng ít nghiêm trọng (là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng chưa đến mức bị xử lý hình sự hoặc bị xử lý hình sự bằng hình thức phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù đến 03 năm)</i></p>	<p><i>lý:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu bị xử lý khiển trách do để xảy ra vụ việc tham nhũng ít nghiêm trọng:</i></li> <li>- <i>Văn bản xử lý</i></li> </ul>	<p><i>chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng ít nghiêm trọng:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Liệt kê cụ thể danh sách người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan bị xử lý.</i></li> </ul>
<p><b>C.2.3.2. Hình thức cảnh cáo</b></p> <p><i>Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng nghiêm trọng (là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng bị xử lý bằng hình thức phạt tù từ trên 03 năm đến 07 năm)</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Số vụ việc vụ việc tham nhũng nghiêm trọng xảy ra trên địa bàn, thuộc phạm vi quản lý:</i></li> <li>- <i>Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu bị xử lý cảnh cáo do để xảy ra vụ việc tham nhũng nghiêm trọng:</i></li> <li>- <i>Văn bản xử lý</i></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Liệt kê danh sách người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng nghiêm trọng:</i></li> <li>- <i>Liệt kê cụ thể danh sách người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan bị xử lý.</i></li> </ul>
<p><b>C.2.3.3. Hình thức cách chức</b></p> <p><i>Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng rất nghiêm trọng (là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng bị xử lý bằng hình thức phạt tù từ trên 07 năm đến 15 năm) hoặc đặc biệt nghiêm trọng (là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng bị xử lý bằng hình thức phạt tù từ trên 15 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình)</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Số vụ việc vụ việc tham nhũng rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng xảy ra trên địa bàn, thuộc phạm vi quản lý:</i></li> <li>- <i>Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu bị xử lý cách chức do để xảy ra vụ việc tham nhũng rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng:</i></li> <li>- <i>Văn bản xử lý vi phạm</i></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Liệt kê danh sách người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ việc tham nhũng rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng:</i></li> <li>- <i>Liệt kê cụ thể danh sách người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan bị xử lý.</i></li> </ul>
<p><b>C.3. Kết quả xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN</b></p>		
<p><b>C.3.1. Kết quả xử lý vi phạm trong thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức đơn vị (Điều 81 – Nghị định 59/2019/NĐ-CP)</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Số người vi phạm:</i></li> <li>- <i>Số người vi phạm đã xử lý:</i></li> <li>- <i>Văn bản xử lý vi phạm</i></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Liệt kê danh sách các cá nhân đã xử lý vi phạm trong thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức đơn vị.</i></li> <li>- <i>Liệt kê danh sách tổng số người vi phạm trong thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức đơn vị.</i></li> </ul>



C.3.2. Kết quả xử lý vi phạm quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn (Điều 82 – Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số người vi phạm:</li> <li>- Số người vi phạm đã xử lý:</li> <li>- Văn bản xử lý vi phạm</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Liệt kê danh sách các cá nhân đã xử lý vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn.</li> <li>- Liệt kê danh sách tổng số người vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn.</li> </ul>
C.3.3. Kết quả xử lý vi phạm quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị (Điều 83 – Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số người vi phạm:</li> <li>- Số người vi phạm đã xử lý:</li> <li>- Văn bản xử lý vi phạm</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Liệt kê danh sách các cá nhân đã xử lý vi phạm quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị .</li> <li>- Liệt kê danh sách tổng số người vi phạm quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị .</li> </ul>
C.3.4. Kết quả xử lý vi phạm quy định về xung đột lợi ích (Điều 84 – NĐ 59/2019/NĐ-CP)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số người vi phạm:</li> <li>- Số người vi phạm đã xử lý:</li> <li>- Văn bản xử lý vi phạm</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Liệt kê danh sách các cá nhân đã xử lý vi phạm quy định về xung đột lợi ích.</li> <li>- Liệt kê danh sách tổng số người vi phạm quy định về xung đột lợi ích.</li> </ul>
C.3.5. Kết quả xử lý vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác (Khoản 2 – Điều 94 Luật PCTN)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số người vi phạm:</li> <li>- Số người vi phạm đã xử lý:</li> <li>- Văn bản xử lý vi phạm</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Liệt kê danh sách các cá nhân đã xử lý vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác.</li> <li>- Liệt kê danh sách tổng số người vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác.</li> </ul>
C.3.6. Kết quả xử lý vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng (Điều 85 – Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số người vi phạm:</li> <li>- Số người vi phạm đã xử lý:</li> <li>- Văn bản xử lý vi phạm</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Liệt kê danh sách các cá nhân đã xử lý vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng.</li> <li>- Liệt kê danh sách tổng số người vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng.</li> </ul>
C.3.7. Kết quả xử lý hành vi vi phạm đối với người kê khai TSTN (Điều 20 – Nghị định 130/2020/NĐ-CP)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số người vi phạm:</li> <li>- Số người vi phạm đã xử lý:</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Liệt kê danh sách các cá nhân đã xử lý hành vi vi phạm đối với người kê khai TSTN.</li> </ul>

	<i>-Văn bản xử lý vi phạm</i>	- Liệt kê danh sách tổng số người có hành vi vi phạm về kê khai TSTN.
C.3.8. Kết quả xử lý hành vi vi phạm khác trong kiểm soát TSTN (Điều 21 – Nghị định 130/2020/NĐ-CP)	- Số người vi phạm: - Số người vi phạm đã xử lý: <i>-Văn bản xử lý vi phạm</i>	Liệt kê danh sách các cá nhân đã bị xử lý hành vi vi phạm khác trong kiểm soát TSTN. - Liệt kê danh sách tổng số người có hành vi vi phạm khác trong kiểm soát TSTN.
<b>D. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THU HỒI TIỀN, TÀI SẢN THAM NHŨNG</b>		
<b>D.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, giải quyết đơn tố cáo, phản ánh</b>		
D.1.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra	-Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phát hiện qua công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra: - Số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra:	- Liệt kê số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra theo từng vụ việc:..... - Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phát hiện qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra:.....
D.1.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác giải quyết đơn tố cáo, phản ánh	- Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phát hiện qua công tác giải quyết đơn tố cáo, phản ánh: - Số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác giải quyết đơn tố cáo, phản ánh:	- Liệt kê số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác giải quyết đơn tố cáo, phản ánh theo từng vụ việc:..... - Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phát hiện qua công tác giải quyết đơn tố cáo, phản ánh:.....
<b>D.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án</b>		
D.2.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử		
D.2.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác thi hành án		

**Phụ lục 2**  
**TỔNG HỢP TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG CỦA UBND TỈNH**  
**PHỤC VỤ ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PCTN**

Biểu 2a

Số tháng tiếp công dân của Chủ tịch UBND tỉnh	Tài liệu, số liệu minh chứng (Tùng văn bản ghi rõ ngày, tháng, năm, trích yếu nội dung...)	
	<b>A.2 Đánh giá việc tổ chức thực hiện</b>	
	A.2.4 Việc tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp tỉnh và chỉ đạo của Chủ tịch UBND cấp tỉnh xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân về tham nhũng; kiến nghị, đề nghị bảo vệ người tố cáo tham nhũng	
	A.2.4. Các Thông báo, Biên bản tiếp dân của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	<i>A.2.5.2 VB chỉ đạo xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân về tham nhũng; kiến nghị, đề nghị bảo vệ người tố cáo tham nhũng của Chủ tịch UBND tỉnh</i>
Tháng...		Văn bản...
Tháng...		Văn bản...
...		...

*Đơn vị tổng hợp, cung cấp số liệu, tài liệu minh chứng: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.*

Biểu 2b

Tt	Tài liệu, số liệu minh chứng (Từng văn bản ghi rõ ngày, tháng, năm, trích yếu nội dung...)	
	<b>B. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG</b> <b>B.1 Công tác phòng ngừa TN trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước</b>	
	B.1.4. Kết quả thực Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt giai đoạn 2021-2025	
	<i>B.1.4.1. Ban hành KH hoặc VB lồng ghép các nội dung thực hiện</i>	<i>B.1.4.2. Báo cáo kết quả thực hiện gửi NHNN Việt Nam</i>
1		
2		
...		

1. Lưu ý: Liệt kê văn bản do UBND tỉnh ban hành:

- Kế hoạch hoặc lồng ghép các nội dung về phát triển thanh toán không dùng tiền mặt thanh toán không dùng tiền mặt vào các đề án, dự án, kế hoạch, chương trình phát triển kinh tế-xã hội của địa phương mình.
- Báo cáo kết quả thực hiện năm 2023.

2. Đơn vị tổng hợp, cung cấp số liệu, tài liệu minh chứng: Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang.

Tt	Tài liệu, số liệu minh chứng (Từng văn bản ghi rõ ngày, tháng, năm, trích yếu nội dung...)					
	<b>C. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC PHÁT HIỆN VÀ XỬ LÝ THAM NHŨNG</b>					
	<b>C.1 Việc phát hiện hành vi tham nhũng</b>					
	<i>C.1.3 Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua điều tra, truy tố, xét xử</i>					
	Phát hiện hành vi tham nhũng qua điều tra		Phát hiện hành vi tham nhũng qua truy tố		Phát hiện hành vi tham nhũng qua xét xử	
Tổng số vụ việc tố giác, tin báo tội phạm, kiến nghị điều tra tham nhũng	Số vụ án tham nhũng được khởi tố điều tra	Tổng số vụ án đề nghị truy tố tội tham nhũng	Số vụ án quyết định truy tố tội tham nhũng	Tổng số vụ án tiếp nhận liên quan tham nhũng	Số vụ án tham nhũng đưa ra xét xử	
.....						

1. Ghi chú: Cung cấp danh sách các vụ việc, vụ án tham nhũng đã phát hiện.

2. Đơn vị tổng hợp, cung cấp số liệu, tài liệu minh chứng: Công an tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Toà án nhân dân tỉnh.

Tt	Tài liệu, số liệu minh chứng (Từng văn bản ghi rõ ngày, tháng, năm, trích yếu nội dung...)		
	<b>C. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC PHÁT HIỆN VÀ XỬ LÝ THAM NHŨNG</b> <b>C.2 Việc xử lý tham nhũng</b>		
	C.2.2 Kết quả xử lý hình sự người có hành vi tham nhũng		
	<i>C.2.2.1 Kết quả xử lý qua điều tra</i>	<i>C.2.2.2 Kết quả xử lý qua truy tố</i>	<i>C.2.2.3 Kết quả xử lý qua xét xử</i>
1	- Số người cơ quan điều tra đề nghị truy tố về hành vi tham nhũng:.....	- Số người do Viện kiểm sát truy tố về hành vi tham nhũng:.....	- Số người do Tòa án kết án tội phạm tham nhũng:.....
2	- Tổng số người bị cơ quan điều tra khởi tố trong các vụ án liên quan tham nhũng:.....	- Tổng số người có hành vi tham nhũng bị cơ quan điều tra đề nghị truy tố về hành vi tham nhũng:.....	- Tổng số người do Viện kiểm sát truy tố về hành vi tham nhũng: .....

\* Đơn vị tổng hợp, cung cấp số liệu, tài liệu minh chứng: Công an tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Toà án nhân dân tỉnh.

Tt	Tài liệu, số liệu minh chứng (Từng văn bản ghi rõ ngày, tháng, năm, trích yếu nội dung...)	
	<b>D. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THU HỒI TÀI SẢN THAM NHỮNG</b> <b>D.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án</b>	
	<i>D.2.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử</i>	<i>D.2.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác thi hành án</i>
1	Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phát hiện qua công tác điều tra, truy tố, xét xử	Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phải thu hồi theo bản án
2	Số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác điều tra, truy tố, xét xử	Số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác thi hành án
3	Liệt kê số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác điều tra, truy tố, xét xử theo từng vụ việc:.....	Liệt kê số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác theo từng vụ việc:.....
...		

\* Đơn vị tổng hợp, cung cấp số liệu, tài liệu minh chứng: Công an tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Toà án nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án Dân sự tỉnh.

Tt	Tài liệu, số liệu minh chứng (Từng văn bản ghi rõ ngày, tháng, năm, trích yếu nội dung...)		
	<b>C. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC PHÁT HIỆN VÀ XỬ LÝ THAM NHŨNG</b> <b>C.1 Việc phát hiện hành vi tham nhũng</b>		
	<i>C.1.1 Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua giám sát.</i>		
	Liệt kê các cuộc giám sát thực hiện trong kỳ	Liệt kê các cuộc phát hiện hành vi tham nhũng	Tài liệu minh chứng
1	.....	.....	Báo cáo kết quả giám sát (số, ký hiệu, ngày tháng năm)
2			
3			
....			

*Đơn vị phối hợp cung cấp số liệu, tài liệu minh chứng:*

- Mặt trận tổ quốc tỉnh;
- Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh.